



Merkblatt für Spezialitätenköchinnen und Spezialitätenköche

Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực đi làm đầu bếp đặc sản

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)

Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen **IM ORIGINAL** sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (nộp BẢN GỐC) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigten) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Đề nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn

Dem Visumantrag müssen nachfolgende Unterlagen beigelegt werden:	Vom Antragsteller eingereicht <i>Người xin thị thực có nộp</i>	Nur durch VFS/AV auszufüllen <i>Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức</i>	Anmer- kungen <i>Ghi chú</i>
Hồ sơ xin cấp thị thực phải có những giấy tờ sau:			
1. Vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (Online-Antragsformular „VIDEX“) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (tờ khai trực tuyến „VIDEX“).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (Fotomustertafel) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. Gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			
4. Tabellarischer und lückenloser Lebenslauf Insbesondere mit Darstellung der bisherigen Ausbildung bzw. Berufstätigkeit <i>Lý lịch theo trình tự thời gian liên tục. Đặc biệt phải trình bày quá trình học tập, làm việc từ trước đến nay.</i>			
(Optional) Vorabzustimmung Sollte Ihr Arbeitgeber bereits vor Beginn des Visumverfahrens die Vorabzustimmung der Bundesagentur für Arbeit oder der zuständigen Ausländerbehörde in Deutschland eingeholt haben, verkürzt sich die Bearbeitungszeit in der Auslandsvertretung wesentlich.			



(Tùy chọn, không bắt buộc) Văn bản đồng ý trước với việc nhập cảnh. Nếu người sử dụng lao động đã nhận được sự chấp thuận của Cơ quan Lao động liên bang Đức hoặc Sở Ngoại kiều có thẩm quyền tại Đức trước khi bắt đầu làm thủ tục xin thị thực, thì thời gian xử lý hồ sơ thị thực tại Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Đức sẽ được rút ngắn đáng kể.			
5. Konkretes Arbeitsplatzangebot Arbeitsvertrag oder verbindliche Arbeitsplatzzusage mit Angaben zur genauen Tätigkeit, Gehalt, Arbeitszeit, Urlaubsanspruch, Beschäftigungsbeginn bzw. -ende. Thông báo tuyển dụng cụ thể Hợp đồng lao động hoặc thư mời nhận việc với thông tin mô tả công việc cụ thể, mức lương, thời gian làm việc, số ngày nghỉ phép, thời điểm bắt đầu và kết thúc hợp đồng lao động.			
6. Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis im Original Das Formular muss vom zukünftigen Arbeitgeber vollständig ausgefüllt werden. Bản gốc „Tuyên bố về quan hệ lao động“: Bản tuyên bố về quan hệ lao động phải được người sử dụng lao động khai đầy đủ và ký tên.			
7. Berufsabschluss als Koch Eine mindestens zweijährige Ausbildung als Koch an einer Berufsfachschule in Vietnam mit Nachweisen zur genauen Ausbildungsdauer und dem Curriculum. Eine Online-Ausbildung kann nicht akzeptiert werden. Bằng nghề đầu bếp Ít nhất hai năm đào tạo nghề đầu bếp tại một trường dạy nghề ở Việt Nam với bằng chứng về thời gian đào tạo cụ thể và chương trình giảng dạy. Các chương trình đào tạo trực tuyến không được chấp nhận.			
8. Nachweis über eine min. zweijährige Berufserfahrung als Koch: Sozialversicherungsbuch UND Sozialversicherungssapp Arbeitgeberbescheinigungen über eine mindestens zweijährige praktische Tätigkeit als Koch (Küchenhilfe o.Ä. nicht ausreichend) in qualifizierten Betrieben in Vietnam mit Angaben zum vollen Namen und aktueller Telefonnummer des Arbeitgebers sowie einer Kopie des Handelsregistrauszuges. Die Sozialversicherungssapp muss vorgezeigt werden und die Eintragungen müssen dort verifiziert werden. Bằng chứng về kinh nghiệm làm đầu bếp ít nhất 2 năm: Sổ bảo hiểm xã hội VÀ sổ bảo hiểm xã hội điện tử (VssID) Chứng nhận của người sử dụng lao động về thời gian làm việc ít nhất 2 năm ở vị trí đầu bếp tại một nhà hàng có chất lượng tại Việt Nam (công việc phụ bếp hoặc tương tự không đáp ứng được yêu cầu này) với các thông tin về họ tên đầy đủ và số điện thoại hiện nay của người sử dụng lao động, cũng như bản photo đăng ký kinh doanh của người sử dụng lao động. Quý vị phải trình sổ bảo hiểm xã hội điện tử (VssID) khi nộp hồ sơ và quá trình đóng bảo hiểm xã hội phải được xác minh trên đó.			
9. Speisekarte des vietnamesischen Spezialitätenrestaurants in Deutschland Bitte die vollständige Menükarte des Restaurants in Deutschland beifügen. Bitte auch die Webseite des Restaurants auf der Speisekarte notieren, sollte diese dort nicht ersichtlich sein. Bảng thực đơn của nhà hàng đặc sản Việt Nam tại Đức			



*Quý vị vui lòng nộp bằng thực đơn đầy đủ của nhà hàng tại Đức.
Vui lòng ghi địa chỉ trang web của nhà hàng lên bằng thực đơn nếu như thông tin về trang web chưa có trên đó.*

10. Optional bei Antragstellung: Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise

Gültig ab dem gewünschten Einreisetag und bis zum Beginn der Arbeitsaufnahme.

Da Visaanträge für Spezialitätenköchinnen und Spezialitätenköche verhältnismäßig lange Bearbeitungszeiten haben, fordert die Botschaft/das Generalkonsulat bei Bedarf später eine (neue) Krankenversicherung an.

Tùy chọn (không bắt buộc) khi nộp hồ sơ thị thực: Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế để nhập cảnh
Bảo hiểm có hiệu lực từ ngày nhập cảnh mong muốn cho tới ngày bắt đầu làm việc tại Đức.

Do thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực đi làm đầu bếp tương đối lâu, nên Đại sứ quán / Tổng Lãnh sự quán Đức sẽ yêu cầu chứng nhận bảo hiểm (mới) sau nếu cần thiết.

Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung.

Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerter, bewusst falscher oder unvollständiger Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn